

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 02-6-2022

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bò Quốc Khánh;

Bà Đặng Thị Thanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Bùi Xuân Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 45/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà P.T.T.T, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ A, ấp TL, xã TĐ, huyện BTU, tỉnh BD.

- Bị đơn: Ông T.V.T, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp SS, xã ĐC, huyện BTU, tỉnh BD.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/01/2022; Bản tự khai ngày 15/4/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà P.T.T.T trình bày: Bà P.T.T.T và ông T.V.T tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2020; có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐC, huyện BTU, tỉnh BD và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 02, ngày 17/02/2020. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại nhà của gia đình ông T.V.T, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì khoảng năm 2021 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T.V.T không chăm lo cho gia đình, thường xuyên uống rượu và gây gổ với bà P.T.T.T dẫn đến vợ chồng ly thân từ tháng 7/2021 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn,

mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P.T.T.T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T.V.T.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà P.T.T.T và ông T.V.T có một con chung tên T.K.V, sinh ngày 26/10/2020. Bà P.T.T.T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Ông T.V.T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản tự khai ngày 28/4/2022, ông T.V.T trình bày: Ông T.V.T với bà P.T.T.T tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau được khoảng 4 năm, được sự đồng ý của cha mẹ hai bên, ông T.V.T với bà P.T.T.T tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó, do phát sinh mâu thuẫn giữa ông T.V.T với mẹ vợ nên vợ chồng cãi nhau. Bà P.T.T.T xin ly hôn, ông T.V.T không đồng ý. Về con chung: Ông T.V.T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung tên T.K.V, không yêu cầu bà P.T.T.T phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Ông T.V.T không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà P.T.T.T yêu cầu được ly hôn với ông T.V.T. Ông T.V.T cư trú tại ấp SS, xã ĐC, huyện BTU, tỉnh BD. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà P.T.T.T và ông T.V.T tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐC, huyện BTU, tỉnh BD theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 17/02/2020 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về tình trạng hôn nhân của bà P.T.T.T và ông T.V.T: Bà P.T.T.T xin ly hôn với ông T.V.T vì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và đã sống ly thân từ tháng 7/2021 đến nay. Ông T.V.T gửi bản tự khai trình bày không

đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa án tham gia hòa giải hoặc đưa ra phương án để vợ chồng hòa giải đoàn tụ, đồng thời có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vợ chồng cũng đã ly thân khoảng một năm. Qua đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đời sống hôn nhân trên thực tế không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà P.T.T.T xin ly hôn với ông T.V.T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, bà P.T.T.T và ông T.V.T có một con chung tên T.K.V, sinh ngày 26/10/2020. Bà P.T.T.T và ông T.V.T đều có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Nhận thấy, bé T.K.V chưa được 3 tuổi. Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định như sau: “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”. Hiện nay con do bà P.T.T.T nuôi. Do đó, bà P.T.T.T yêu cầu trực tiếp nuôi con chung là có cơ sở chấp nhận, yêu cầu của ông T.V.T là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[8] Về án phí: Bà P.T.T.T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P.T.T.T đối với ông T.V.T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà P.T.T.T được ly hôn với ông T.V.T .

- Về con chung: Giao cháu T.K.V, sinh ngày 26/10/2020 cho bà P.T.T.T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ông T.V.T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà P.T.T.T và ông T.V.T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp

dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà P.T.T.T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ vào 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0009929 ngày 03/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- UBND xã ĐC, h.BTU, tỉnh BD;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Huệ